

Số: 82/BC-STC

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I/NĂM 2018

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2018:

I. Đánh giá tình hình chung:

1-Tình hình kinh tế:

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý I theo giá so sánh 2010 ước đạt 34.697,6 tỷ đồng, tăng 17,7% so với quý I/2017, đây là mức tăng cao so với cùng kỳ trong nhiều năm qua; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,8% chủ yếu do tăng ở ngành chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 21%; khu vực dịch vụ (bao gồm cả thuế sản phẩm), tăng 9,8%.

2. Kết quả thực hiện thu 3 tháng đầu năm 2018:

3.1. Tổng thu nội địa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thực hiện 3 tháng đầu năm 2018 là 7.567 tỷ đồng/Dự toán 17.961 tỷ đạt 40,13 % dự toán, bằng 132,58% so với cùng kỳ.

3.2. Tiền sử dụng đất 1.101 tỷ đồng/Dự toán 2.300 tỷ đạt 47,9% dự toán, bằng 176% so với cùng kỳ.

II. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán đối với một số khu vực chủ yếu:

1. **Doanh nghiệp nhà nước trung ương quản lý:** Thực hiện 350 tỷ đồng/1.173 tỷ dự toán, đạt 29,83% dự toán, bằng 109,48% so với cùng kỳ (tỷ lệ giao dự toán năm 2018 tăng 6% so với thực hiện năm 2017). Đây là nguyên nhân cơ bản khu vực này thực hiện đảm bảo được dự toán tiến độ.

2. **Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý:** Thực hiện được 22,8 tỷ/29 tỷ dự toán, đạt 78,68% dự toán, bằng 134% so với dự toán. Số thu thuế quý I/2018 tăng đột biến so với dự toán do các nguyên nhân sau:

- Một số đơn vị là trung tâm dưới các huyện nộp vào NSNN mục lục địa phương 3.600 triệu nhưng không giao dự toán;

- Công ty cổ phần kỹ nghệ súc sản khi lập dự toán là chương trung ương cuối năm 2017 thành lập chi nhánh tại Bắc Ninh thì chuyển thành chương nhà nước địa phương;

- Một số DN lập dự toán NQD đã nộp 5.100 trđ nhằm vào chương nhà nước, đang phối hợp kê khai lập điều chỉnh.

Đây là nguyên nhân cơ bản tiến độ thực hiện dự toán tăng đột biến. Nếu loại trừ 5,1 tỷ chờ điều chỉnh do nộp nhầm chương thì khu vực DNĐP vẫn đạt 79% DT (23 tỷ/29 tỷ).

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Thực hiện được 3.449 tỷ/8.055 DT, đạt 42,82% dự toán, bằng 124,1% so với cùng kỳ; Nguyên nhân tiến độ thực hiện dự toán đạt cao do, các doanh nghiệp nộp đủ số phải nộp theo quyết toán thuế TNDN năm 2017. Số thu của doanh nghiệp chuyển từ chương 154 sang chương 151 là 100 tỷ;

4- Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Thực hiện 716 tỷ đồng/2.043 tỷ đồng, đạt 35% dự toán, bằng 114% so với cùng kỳ. Tiến độ đảm bảo được dự toán thu là do các đơn vị đã chủ động tích cực đơn đốc thu thuế nợ đọng tháng 12/2017 chuyển sang, đơn đốc các doanh nghiệp nộp thuế TNDN quý 4/2017 và số thuế GTGT phát sinh phải nộp trong 3 tháng đầu năm 2018

5- Thuế Thu nhập cá nhân: Thực hiện là 1.387 tỷ đồng/2.550 tỷ DT, đạt 54,4 % dự toán, bằng 144 % so với cùng kỳ năm trước. Khoản thu về thuế TNCN quý 1/2018 phát sinh cao là do: Một số doanh nghiệp trả thưởng tết cho cán bộ công nhân viên tăng 250,9 tỷ đồng. Một số doanh nghiệp mở rộng dự án tăng số lượng chuyên gia sang làm việc theo dự án thầu.

6- Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện được 1.102 tỷ đồng/2.300 tỷ DT, đạt 47,9% dự toán, bằng 176 % so với cùng kỳ. Số thu tiền sử dụng đất chủ yếu là tiền đầu giá thành công các dự án và tiền ghi thu, ghi chi của địa bàn Thị xã Từ Sơn, Tiên Du, Yên Phong, Thuận Thành và thành phố Bắc Ninh đảm bảo tốt tiến độ thực hiện dự toán; Riêng Quê Võ và Lương Tài chưa có tiền sử dụng đất từ các dự án.

7. Khoản thu Lệ phí trước bạ: Thực hiện được 126 tỷ đồng/500 tỷ đồng, đạt 25% dự toán, bằng 111% so với cùng. Số thu lệ phí trước bạ mặc dù tăng 16% so với cùng kỳ năm trước, nhưng chưa đảm bảo tiến độ thu là do số giao dự toán năm 2018 tương đối cao (trên 17% so với số thực hiện năm 2017) và tình hình người dân mua sắm tài sản là ô tô cũng giảm dần vào thời gian sau tết nguyên đán đến nay.

B. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi NSDP ước thực hiện quý I năm 2018 là 3.267 tỷ đồng bằng 21,77% dự toán, bằng 112,2% so với cùng kỳ, trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển là 2.006 tỷ đồng, đạt 45,98% so với dự toán, bằng 131,3% so với cùng kỳ. Chi đầu tư phát triển đạt cao do dự toán đầu năm phân bổ tập trung cho các dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán, dự án có khối lượng hoàn thành lớn nên tiến độ giải ngân nhanh.

2. Chi thường xuyên 1.260 tỷ đồng, đạt 15,15% so với dự toán và bằng 91,2% so với cùng kỳ, trong đó:

- Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể 240 tỷ đồng, bằng 24,79% dự toán và bằng 98,8% so với dự toán

- Chi đảm bảo xã hội đạt 109 tỷ đồng, bằng 26,68% dự toán và bằng 107,3% dự toán

Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể và chi đảm bảo xã hội đạt tiến độ dự toán giao do đây chủ yếu là các khoản chi lương, chi thực hiện chính sách an sinh xã hội và chi các chế độ cho con người

- Những lĩnh vực khác tiến độ giải ngân còn thấp do trong quý 1, những nội dung, nhiệm vụ chi và các đề tài đề án đều đang trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện.

Sở Tài chính trân trọng báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu VT, QLNS.



Nguyễn Văn Hải



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2018	UTH QUÝ	SO SÁNH UTH VỚI	
				DT NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN				
I	Thu cân đối NSNN	23.861.000	9.000.232	37,72%	
1	Thu nội địa	17.961.000	7.567.169	42,13%	132,58%
2	Thu từ dầu thô	0			
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	5.900.000	1.433.064	24,29%	119,14%
4	Thu viện trợ	0			
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSĐP	15.009.325	3.267.957		
I	Chi cân đối NSĐP	14.569.364	3.267.957	22,43%	112,25%
1	Chi đầu tư phát triển	4.364.574	2.006.767	45,98%	131,25%
2	Chi thường xuyên	8.318.065	1.260.271	15,15%	91,22%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	67.100	919	1,37%	103,26%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000			
5	Dự phòng ngân sách	306.090			
6	Chi tạo nguồn CCTL	1.512.535			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP	439.961			
C	BỘI CHI NSĐP	271.700			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	358.300			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2018



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2018	UTH QUÝ I		SO SÁNH UTH VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2		3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	23.861.000	9.000.232	6.921.909	37,72%	130,03%
I	Thu nội địa	17.961.000	7.567.169	5.719.070	42,13%	132,31%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)	1.173.000	349.958	319.644	29,83%	109,48%
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	29.000	22.818	17.000	78,68%	134,22%
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)	8.055.000	3.449.246	2.779.500	42,82%	124,10%
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	2.043.000	716.120	626.875	35,05%	114,24%
5	Thuế thu nhập cá nhân	2.550.000	1.387.078	959.741	54,40%	144,53%
6	Thuế bảo vệ môi trường	800.000	201.442	181.413	25,18%	111,04%
7	Lệ phí trước bạ	500.000	126.291	96.676	25,26%	130,63%
8	Thu phí, lệ phí	85.000	40.492	15.064	47,64%	268,80%
9	Các khoản thu về nhà, đất	2.415.000	1.117.023	644.344	46,25%	173,36%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35.000	1.030	276	2,94%	372,98%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	80.000	14.288	18.380	17,86%	77,73%
-	Thu tiền sử dụng đất	2.300.000	1.101.706	625.688	47,90%	176,08%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0				
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	0	186			
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước					
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	11.000	3.452	3.966	31,38%	87,03%
13	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	30.000	15.680	21.435	52,27%	73,15%
14	Thu khác ngân sách	270.000	137.384	53.411	50,88%	257,22%
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	5.900.000	1.433.064	1.202.839	24,29%	119,14%
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	4.265.840				
2	Thuế xuất khẩu	9.639				
3	Thuế nhập khẩu	1.139.807				
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	0				
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	1.189				
6	Thu khác					
IV	Thu viện trợ					
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	14.927.664	6.399.832	5.480.980	42,87%	116,76%
1	Từ các khoản thu phân chia	11.737.424	5.104.794	4.646.084	43,49%	109,87%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	3.190.240	1.295.038	834.896	40,59%	155,11%

ĐƯỢC THỰC HIỆN CHI NSDP QUÝ 1 NĂM 2018

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN TÍNH GIAO 2018	THỰC HIỆN QUÝ 1	Thực hiện cùng kỳ	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG SỐ CHI NSDP	15.009.325	3.267.957	2.911.441	21,77%	112,2%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	14.569.364	3.267.957	2.911.441	22,43%	112,2%
I	Chi đầu tư phát triển	4.364.574	2.006.767	1.528.964	45,98%	131,3%
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.364.574	2.006.767	1.528.964	45,98%	131,3%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
II	Chi trả nợ lãi	67.100	919	890	1,37%	103,3%
III	Chi thường xuyên	8.318.065	1.260.271	1.381.587	15,15%	91,2%
1	Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội	344.734	56.519	59.396	16,39%	95,2%
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.140.822	467.855	423.529	14,90%	110,5%
3	Chi khoa học và công nghệ	48.161	7.423	4.069	15,41%	182,4%
4	Chi y tế, dân số và gia đình	519.989	56.460	115.697	10,86%	48,8%
5	Chi văn hóa thông tin	165.641	22.451	28.199	13,55%	79,6%
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	44.784	10.463	6.455	23,36%	162,1%
7	Chi thể dục thể thao	68.376	8.290	3.139	12,12%	264,1%
8	Chi bảo vệ môi trường	536.870	24.893	20.360	4,64%	122,3%
9	Chi các hoạt động kinh tế	1.663.403	202.754	226.039	12,19%	89,7%
10	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	969.455	240.297	243.133	24,79%	98,8%
12	Chi bảo đảm xã hội	411.213	109.705	102.215	26,68%	107,3%
13	Chi thường xuyên khác	404.617	53.161	149.356	13,14%	35,6%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000				
V	Dự phòng ngân sách	306.090	-	-		
VI	Chi tạo nguồn CCTL	1.512.535	-	-		
VII	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	439.961				
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	0				
2	Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác	378.287				
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định.	61.664				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					

